TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TPĐ** **TỈNH TG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:25/2022/DSST Ngày: 31-3-2022 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TPĐ – TỈNH TG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông VNH.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn N.

2. Ông Ngô Văn B.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lưu Duy M – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TPĐ tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TPĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà N T G, sinh năm 1962;

Địa chị: ấp L Q 1, xã P Đ, huyện T P Đ, tỉnh T G.

2. Bị đơn: B L K T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp B L, xã P T, huyện T P Đ, tỉnh T G.

(Bà G có mặt, bà T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà N T G trình bày:

Vào các ngày 05/2/2019 (âm lịch) và khoảng đầu tháng 5/2019 (âm lịch) bà L K T có đến mua sả của bà G với số lượng 11764 kg sả lớn và 01 đám sả chưa thu hoạch. Bà T đã trưa trước một khoảng tiền nhưng bà không nhớ rõ là bao nhiêu. Bà T còn nợ lại bà G 35.493.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng).*

Nay bà G yêu cầu bà T trả cho bà số tiền mua sả còn nợ là 35.493.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng),* trả làm một lần.

Theo Bản tự khai, quá trình tố tụng bị đơn bà L K T trình bày:

Bà T thống nhất bà có mua sả của bà G với số tiền: tiền mua sả đám là 27.000.000 đồng, tiền mua sả kí là 8.493.000 đồng, bà T thống nhất còn nợ lại bà G 35.493.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng)* tiền mua sả. Do hoàn cảnh khó khăn, bà T xin trả dần mỗi tháng là 500.000 đồng *(Năm trăm nghìn đồng)* cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ mà các bên đang tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng mua tài sản"* theo quy định tại Điều 430 Bộ luật Dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà N T G yêu cầu bà L K T trả cho bà G số tiền bán sả là 35.493.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng).* Tại biên bản hòa giải ngày 22 tháng 12 năm 2021, bà T thừa nhận có nợ bà G số tiền là 35.493.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng)*. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà G yêu cầu bà T trả số tiền là 35.493.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng)* là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét việc bà T yêu cầu trả dần cho bà G mỗi tháng là 500.000đ *(Năm trăm nghìn đồng)* không được bà G đồng ý. Việc trả dần là ảnh hưởng đến quyền lợi của bà G nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc bà L K Th chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 430, 440 Bộ Luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N T G.

Buộc bà L K T trả cho bà N T G số tiền là 35.493.000 đồng *(Ba mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi ba nghìn đồng).*

Kể từ ngày bà N T G có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà L K T chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*:

- Buộc bà L K T chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.774.650 đồng *(Một triệu bảy trăm bảy bốn nghìn sáu trăm năm mươi đồng).*

- Hoàn lại cho bà N T G số tiền 920.500 đồng *(Chín trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008046 ngày 04 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện TPĐ;
- THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

VNH